QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 312/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2020
Hanoi, 12 May 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành*
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **11/05/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
  Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Componet Securities and Cash Component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volume*	*Weight*
I	**Chứng khoán/Stock**		
1	ACB	2,200	4.2%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	270	0.5%
4	CTD	40	0.2%
5	CTG	900	1.7%
6	DXG	620	0.5%
7	EIB	1,470	2.0%
8	FLC	800	0.2%
9	FPT	760	3.7%
10	GAS	130	0.8%
11	GEX	550	0.8%
12	GMD	350	0.6%
13	HBC	220	0.2%
14	HCM	170	0.3%
15	HDB	950	1.9%
16	HPG	2,330	4.9%
17	HSG	350	0.2%
18	KBC	490	0.6%

19	MBB	2,020	3.0%
20	MSN	650	3.6%
21	MWG	410	3.1%
22	NLG	210	0.4%
23	NVL	470	2.3%
24	PDR	180	0.4%
25	PLX	150	0.6%
26	PNJ	250	1.3%
27	POW	660	0.6%
28	PPC	110	0.2%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	210	0.6%
32	ROS	400	0.1%
33	SAB	90	1.4%
34	SBT	370	0.5%
35	SHB	1,700	2.6%
36	SSI	510	0.6%
37	STB	2,540	2.2%
38	TCB	3,200	5.4%
39	TCH	270	0.5%
40	TPB	690	1.1%
41	VCB	570	3.8%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,150	7.3%
46	VIC	1,110	9.7%
47	VJC	360	3.9%
48	VNM	1,070	10.1%
49	VPB	2,400	4.9%
50	VRE	1,280	2.9%
II	**Tiền/Cash (VND)**	**13,505,296**	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1,096,810,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value of an ETF Creation Unit* 1,110,315,296 VND

+ Giá trị chênh lệch/ *Cash Component* 13,505,296 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	47,900	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC *Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC*
2	SSI	13,500	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch *Treasury stock not yet registered for trading*
3	VCB	73,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC *Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC*
4	ACB	21,400	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
5	EIB	15,250	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
6	FPT	53,700	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
7	GMD	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
8	MBB	16,600	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
9	MWG	83,800	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
10	PNJ	58,200	Nhà đầu tư nước ngoài */ Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

11	REE	30,600	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
12	TCB	18,900	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
13	TPB	18,100	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

Các chỉ tiêu khác/*Other criteria*

Chỉ tiêu/Criteria	**Kỳ này/This Period 11/05/2020**	**Kỳ trước/Last Period 08/05/2020**	**Chênh lệch/ Difference**
Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	0	0	0
Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Issued shares*	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ *Closing price*	11,500	11,400	100
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net Asset Value at Valuation Date*			
của quỹ ETF/ of the Fund	157,664,772,159	153,831,665,965	3,833,106,194
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,110,315,296	1,083,321,591	26,993,705
của 1 CCQ/ per Share	11,103.15	10,833.21	269.94
Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	1,286.12	1,258.06	28.06

Đại diện tổ chức
Organization representative

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC